

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YỠ
TỈNH H

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 44/2025/HNGĐ-ST

Ngày 19-5-2025

“ V/v tranh chấp ly hôn ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH H

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tuyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Minh Đón.

Ông Nguyễn Văn Thanh.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Bá Thuận - Thư ký viên chính Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mỹ tham gia phiên tòa:** Ông Tạ Hoàng Minh Thế - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 18/2025/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2025 về tranh chấp ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2025/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà Đỗ Thị M, sinh năm: 1970;

HKTT: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

* **Bị đơn:** Ông Đặng Văn Q, sinh năm: 1970;

HKTT: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

* **Người làm chứng:**

1. Anh Đặng Ngọc L, sinh ngày 06/8/1993;

2. Anh Đặng Ngọc D, sinh ngày 13/10/2003;

3. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm: 1960;

4. Ông Đặng Văn Q1, sinh năm: 1972;

Đều HKTT: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

(Bà M, anh L, anh D, bà B, ông Q1 đều vắng mặt và đều đề nghị xét xử vắng mặt, ông Q vắng mặt lần thứ 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nguyên đơn bà Đỗ Thị M trình bày: Bà và ông Đặng Văn Q sau một thời gian tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã T (trước là xã L) vào ngày 10 tháng 9 năm 1992. Quá trình vợ chồng chung sống bình thường đến năm 2007-2008 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính do ông Q chỉ uống rượu không chịu làm ăn xây dựng kinh tế gia đình, ông Q thường xuyên cà kịa, đánh đập bà, bà đã khuyên bảo nhiều nhưng ông Q không thay đổi gì, vợ chồng đã tự sống ly thân nhau từ năm 2010 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân không ai quan tâm đến ai, kinh tế độc lập, bà tự xây dựng nhà cấp bốn trên phần đất của vợ chồng và mẹ con nương tựa nuôi nhau, ông Q không có trách nhiệm gì. Bà xác định vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng bà đề nghị Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Q.

Về con chung: Bà xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Đặng Ngọc L, sinh ngày 06/8/1993 và cháu Đặng Ngọc D, sinh ngày 13/10/2003. Hiện nay các cháu đều đã trên 18 tuổi, có công ăn việc làm ổn định, có thu thập nên bà không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản, nợ, ruộng nông nghiệp, công sức bà không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bà đề nghị Toà án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Đặng Văn Q đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không hợp tác, Toà án làm việc với ông Đặng Văn Q1 là em trai của ông Q cho biết: Ông Đặng Văn Q và bà Đỗ Thị M kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống ông được biết ông Q và bà M chung sống bình thường đến cuối năm 2014 thì ông Q bị ngã nên không làm ăn gì được nên vợ chồng ông Q, bà M không sống với nhau nữa, bà M xây dựng nhà ở riêng từ năm 2014, ông Q và bà M không còn sống với nhau nữa, kinh tế độc lập. Bà M xin ly hôn với ông Q, ông là em trai của ông Q đề nghị với Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ông Q và bà M 02 con chung là cháu Đặng Ngọc L, sinh ngày 06/8/1993 và cháu Đặng Ngọc D, sinh ngày 13/10/2003. Hiện nay các cháu đều đã trên 18 tuổi, có công ăn việc làm ổn định, có thu thập. Ông đề nghị Toà án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị B trình bày: Bà là chị dâu của ông Đặng Văn

Q. Bà được biết ông Q và bà M chung sống bình thường đến cuối năm 2014 thì ông Q bị ngã nên không làm ăn gì được nên vợ chồng ông Q, bà M không sống với nhau nữa, bà M xây dựng nhà ở riêng từ năm 2014, ông Q và bà M không còn sống với nhau nữa, kinh tế độc lập. Bà M xin ly hôn với ông Q, tôi là chị dâu của ông Q đề nghị với Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ông Q và bà M 02 con chung là cháu Đặng Ngọc L, sinh ngày 06/8/1993 và cháu Đặng Ngọc D, sinh ngày 13/10/2003. Hiện nay các cháu đều đã trên 18 tuổi, có công ăn việc làm ổn định, có thu thập. Bà đề nghị Toà án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Người làm chứng anh Đặng Ngọc L và anh Đặng Ngọc D đều trình bày: Các anh là con của bố Đặng Văn Q và mẹ Đỗ Thị M. Các anh hiện nay đang ở cùng mẹ Đỗ Thị M. Các anh đều có công việc và thu nhập ổn định. Trong thời gian bố mẹ chung sống với nhau các anh thấy bố mẹ mâu thuẫn, bố thường xuyên uống rượu đánh mẹ con các anh, mẹ con các anh phải ra ở riêng, không dám gần bố. Bố mẹ các anh đã sống ly thân nhau từ năm 2010 cho đến nay, không còn tình cảm gì nên các anh đề nghị Toà án giải quyết cho bố mẹ ly hôn nhau. Trong thời gian các anh ở với bố mẹ thì các anh không đóng góp kinh tế gì với bố mẹ và không có công sức gì với bố mẹ. Anh L và anh D đề nghị Toà án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Ủy ban nhân dân xã T cung cấp: Bà Đỗ Thị M và ông Đặng Văn Q sau một thời gian tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã L (nay là UBND xã T) vào ngày 10/9/1992. Quá trình vợ chồng bà M, ông Q chung sống đã phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi chửi nhau, vợ chồng không quan tâm nhau, vợ chồng đã ra ở riêng mỗi người một nhà, kinh tế gia đình của mỗi người độc lập, cuộc sống gia đình luôn căng thẳng, có lần bà M bị ông Q đánh phải đi nhập viện và vợ chồng đã sống ly thân nhau, hai bên đã hòa giải nhưng không về với nhau. Nay bà M xác định vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng. Địa phương đã tổ chức hoà giải động viên ông bà nhiều lần nhưng không được nên địa phương đề nghị Toà án giải quyết theo nguyện vọng của bà M.

Tại phiên tòa:

Chủ tọa phiên tòa công bố lời khai của bà M, anh L, anh D, bà B, ông Q1 vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên phát biểu ý kiến:

- Việc chấp hành pháp luật: Kể từ khi thụ ký vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, và các đương sự đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Đỗ Thị M, cho bà M được ly hôn ông Đặng Văn Q. Về con chung, tài sản, nghĩa vụ chung và các vấn đề khác không đặt ra giải quyết. Bà M phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét, đánh giá toàn diện, khách quan, đầy đủ các chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, và quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Đỗ Thị M và ông Đặng Văn Q đăng ký thường trú tại thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Hưng Yên nên Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định tại Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bà M, anh L, anh D, bà B, ông Q1 đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, ông Q vắng mặt lần thứ hai không có lý do và Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho các đương sự hợp lệ nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo Điều 228, Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bà Đỗ Thị M và ông Đặng Văn Q kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (trước là xã L), huyện Y, tỉnh Hưng Yên vào ngày 10 tháng 9 năm 1992 nên hôn nhân của ông bà được pháp luật công nhận. Xét lời khai của bà M phù hợp với lời khai của người làm chứng ông Q1, bà B, anh L, anh D đều xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do ông Q chỉ uống rượu không chịu làm ăn xây dựng kinh tế gia đình, ông Q thường xuyên cãi vã, đánh đập bà M, gia đình đã khuyên bảo nhiều nhưng ông Q không thay đổi gì, vợ chồng đã tự sống ly thân nhau nên đã có căn cứ xác định vợ chồng ông bà đã có thời gian dài mâu thuẫn dẫn đến không còn quan tâm chăm lo đến nhau, ai biết bổn phận của người đó mặc dù đã được gia đình khuyên giải. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử sẽ cho bà M ly hôn với ông Q là phù hợp với thực tế hôn nhân nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Bà M và ông Q đều xác định có 02 con chung là anh Đặng Ngọc L, sinh ngày 06/8/1993 và anh Đặng Ngọc D, sinh ngày 13/10/2003. Hiện nay các anh đều đã trên 18 tuổi, có công ăn việc làm ổn định, có thu thập nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung, và các vấn đề khác: Bà M và ông Q đều không yêu cầu nên không giải quyết.

[6] Bà M phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147; Điều 228, 229, 235 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị M.

1. Quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Đỗ Thị M ly hôn ông Đặng Văn Q.

2. Về con chung, tài sản, nghĩa vụ chung và các vấn đề khác: Không giải quyết.

3. Án phí: Bà Đỗ Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003375 ngày 19/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Mỹ. Bà M đã nộp đủ án phí ly hôn.

4. Quyền kháng cáo: Bà M và ông Q được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Y;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- TAND tỉnh H;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Lưu: VT, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị T